

Số: *4900* /QĐ-BNN-CB

Hà Nội, ngày *11* tháng *11* năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

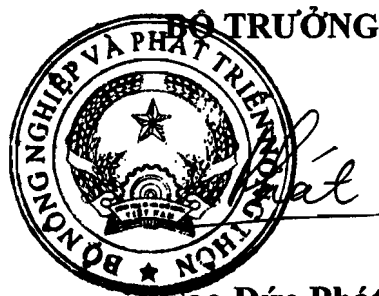
Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này một (01) thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*chi tiết tại phụ biểu kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 thay thế Quyết định số 2907/QĐ-BNN-CB ngày 29 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế (phòng KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CB.



Cao Đức Phát



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1192/QĐ-BNN-CB ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. Thủ tục hành chính thay thế			
1	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Phát triển nông thôn	Chi cục Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

I. Thủ tục hành chính thay thế

Thủ tục đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu

1 Trình tự thực hiện:

Bước 1: Lấy mẫu và thử nghiệm chất lượng mẫu muối nhập khẩu

Khi lô hàng về đến cửa khẩu, người nhập khẩu liên hệ với cơ quan Hải quan làm thủ tục và lấy mẫu để thử nghiệm chất lượng muối nhập khẩu và đưa hàng hóa về kho bảo quản theo quy định của Cơ quan Hải quan. Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, người nhập khẩu phải giao mẫu thử nghiệm cho phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS lĩnh vực hóa có đối tượng thử là muối natri clorua.

Bước 2: Lập hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu

Người nhập khẩu lập 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu và gửi về Cơ quan kiểm: Chi cục Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bước 3: Cơ quan kiểm tra tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc Cơ quan kiểm tra xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ vào “Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu”:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Cơ quan kiểm tra xác nhận hồ sơ đầy đủ về số lượng và kiểm tra bước tiếp theo.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ (nếu có): Cơ quan kiểm tra xác nhận các thành phần hồ sơ còn thiếu và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc.

Bước 4: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu, Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và ra “Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu” xác nhận lô hàng đáp ứng yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu hoặc xác nhận lô hàng không đáp ứng yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu và nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu.

Bước 5: Trả kết quả kiểm tra

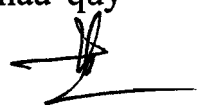
Trả kết quả trực tiếp tại Cơ quan kiểm tra hoặc gửi qua đường bưu điện tới người nhập khẩu theo yêu cầu của người nhập khẩu, chi phí gửi bưu điện do người nhập khẩu trả.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp
- Qua bưu điện

3. Hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu:

- Bản chính Giấy Đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư;
- Bản sao chụp Hợp đồng (Contract) mua bán hàng hóa (là bản tiếng Việt hoặc bản tiếng Anh, nếu là ngôn ngữ khác thì người nhập khẩu phải nộp kèm bản dịch ra tiếng Việt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch);
- Bản sao chụp Danh mục hàng hóa (Packing List);
- Bản sao chụp Hóa đơn (Invoice);
- Bản sao chụp Vận đơn (Bill of Lading);
- Bản sao chụp Tờ khai hàng hóa nhập khẩu;
- Bản sao chụp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O-Certificate of Origin);
- Bản sao chụp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (nếu có);
- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận hàng hóa lưu hành tự do CFS đối với muối ăn;
- Bản chính Biên bản lấy mẫu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư, kèm theo mẫu đại diện lô hàng muối nhập khẩu đựng trong hộp hoặc chai nhựa kín có dán số hiệu niêm phong của cơ quan Hải quan.
- Bản chính Kết quả thử nghiệm mẫu muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư;
- Số lượng: 01 (một) bộ hồ sơ



4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: 01 (một) ngày làm việc.

- Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ đầy đủ: 02 (hai) ngày làm việc.

- Thời hạn bổ sung hồ sơ: 10 (mười) ngày làm việc.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhập khẩu muối.

7. Mẫu đơn, tờ khai:

Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.

8. Phí, lệ phí:

Chưa quy định.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.

- Thời hạn hiệu lực của kết quả: không

10. Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Các loại muối nhập khẩu thuộc nhóm 2501 theo Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành, phải đáp ứng các chỉ tiêu chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chất lượng muối nhập khẩu tương ứng quy định tại Điều 4 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 34/2014/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.

- Lô hàng muối nhập khẩu chỉ được phép đưa vào sản xuất hoặc lưu thông trên thị trường khi Cơ quan kiểm tra ra "Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu" xác nhận lô hàng đáp ứng được yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 34/2014/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu và cơ quan Hải quan thông quan trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 34/2014/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.



Phụ lục III
MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
CHẤT LƯỢNG MUỐI NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BNNPTNT
ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên cơ quan chủ quản
 Tên tổ chức nhập khẩu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng năm 20.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
CHẤT LƯỢNG MUỐI NHẬP KHẨU

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

Người nhập khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại : Fax : E.mail :

Địa chỉ bảo quản lô hàng (theo quy định của Cơ quan Hải quan):

Đề nghị Quý Cơ quan kiểm tra về chất lượng lô hàng muối nhập khẩu sau:

TT	Tên hàng hóa, mã HS	Đặc tính kỹ thuật và Mục đích sử dụng	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/ Số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Hồ sơ kèm theo gồm:		Cơ quan kiểm tra xác nhận
1	<input type="checkbox"/> Hợp đồng (Contract) số: ngày	<input type="checkbox"/>
2	<input type="checkbox"/> Danh mục hàng hóa (Packing list) số: ngày	<input type="checkbox"/>
3	<input type="checkbox"/> Hóa đơn (Invoice) số: ngày	<input type="checkbox"/>
4	<input type="checkbox"/> Vận đơn (Bill of Lading) số: ngày	<input type="checkbox"/>
5	<input type="checkbox"/> Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số: ngày	<input type="checkbox"/>
6	<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) số: ngày	<input type="checkbox"/>
7	<input type="checkbox"/> Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (nếu có) số: ngày	<input type="checkbox"/>
8	<input type="checkbox"/> Mẫu muối có dán số hiệu niêm phong của Hải quan số: và biên bản lấy mẫu có xác nhận của Hải quan số; ngày	<input type="checkbox"/>
9	<input type="checkbox"/> Kết quả thử nghiệm chất lượng muối nhập khẩu số: ngày tại:	<input type="checkbox"/>
10	<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với muối ăn số: ngày	<input type="checkbox"/>

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về chất lượng lô hàng muối nhập khẩu phù hợp với yêu cầu kỹ thuật chất lượng muối nhập khẩu đối với mã HS quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

NGƯỜI NHẬP KHẨU
 (ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN KIỂM TRA XÁC NHẬN TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

1. Hồ sơ đầy đủ về số lượng: tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.

2. Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục số: trong thời gian 10 ngày làm việc. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

Vào số số:/..... ngày tháng năm 20:.....

Nơi nhận:

- Người nhập khẩu;
- Lưu: VT, ...

Người kiểm tra

(ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)